

“PHÁ RÀO”

trong kinh tế vào đêm trước Đổi mới

“PHÁ RÀO” TRONG KINH TẾ VÀO ĐÊM TRƯỚC ĐỔI MỚI | | ĐẶNG PHONG

© Gia đình tác giả Đặng Phong

Cuốn sách được xuất bản theo sự ủy quyền của gia đình tác giả cho Nhà xuất bản Tri thức.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng internet mà không có sự cho phép của Nhà xuất bản Tri thức là hành vi vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và Nhà xuất bản.

ĐẶNG PHONG

“PHÁ RÀO”

trong kinh tế vào đêm trước Đổi mới

(Tái bản lần thứ bảy)

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Những người tham gia hoàn thành bản thảo:

Cao Tuấn Phong

Ngô Huyền Minh

Vũ Ngọc Quyên

Cao Thúy Quỳnh

Phạm Văn Hiếu

Trịnh Hải Yến

Vi Thanh Mai

MỤC LỤC

Lời tác giả	11
-------------	----

Phần mở đầu **TỪ GIẢI PHÓNG ĐẤT NƯỚC** **ĐẾN “CỜI TRÓI” CHO SẢN XUẤT**

I. Từ đại thắng đến đại hội	19
1. Mô hình kinh tế từ miền Bắc	19
2. Những vận hội sau ngày giải phóng	21
3. Hội nghị Trung ương lần thứ 24	22
4. Đại hội Đảng lần thứ IV	25
II. Thiếu hụt, khủng hoảng và ách tắc	27
1. Viện trợ Mỹ được thay bằng cấm vận của Mỹ	28
2. Thiên tai - địch họa	29
3. Viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa cũng giảm sút	29
4. Liệu pháp cải tạo	36
5. Kế hoạch 5 năm 1976-1980	38

Phần I **TỪ XÍ NGHIỆP “XÉ RÀO”** **ĐẾN NHÀ NƯỚC SỬA ĐỔI “HÀNG RÀO”**

Chương 1. “Bung ra” và “cời trói” tại Hội nghị Trung ương 6 (1979)	45
1. Thông báo số 10-TB/TW của Bộ Chính trị và những bùng tỉnh đầu tiên về quan điểm kinh tế	45
2. Đột phá tại Hội nghị Trung ương 6	48

Chương 2. Xí nghiệp Dệt Thành Công - từ “hấp hối” đến lá cờ đầu	57
Chương 3. Nhà máy Dệt lụa Nam Định - “lệ làng” thành “phép vua”	69
Chương 4. Nhà máy Thuộc lá Vĩnh Hội - một tháng bằng nửa năm	89
1. Từ buồng ra...	89
2. Đến bung ra	91
Chương 5. Cơ chế ăn chia ở Xí nghiệp Đánh cá Côn Đảo - Vũng Tàu	101
Chương 6. Seaprodex - Mô hình tự cứu:	
Tự cân đối, tự trang trải, mở và hội tụ	113
1. “Từ đầu voi” đến “đuôi chuột” trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai	113
2. Từ “buông ra” đến “bung ra”	117
3. Mô hình tự cân đối	119
4. Liên doanh liên kết theo phương châm lấy mở để hội tụ	121
5. Tính thuyết phục của những kết quả	125
Chương 7. Khoán ở Công ty Xe khách Miền Đông	
Thành phố Hồ Chí Minh	129
1. Tình hình trước khi thành lập công ty	129
2. Sự ra đời mô hình công ty quốc doanh vận tải hành khách	131
3. Phương pháp xây dựng kế hoạch	132
4. Thực tế của Input	133
5. Thực tế ở Output	136
6. Quá trình chuyển đổi cơ chế từ “bung ra”, “phá rào” tới cải cách	141
Tiểu kết phần I. “SỬA RÀO”	155

Phần II

TỪ TIỂU NÔNG CÁ THỂ LÊN SẢN XUẤT LỚN RỒI VỀ VỚI KINH TẾ HỘ

Chương 8. “Khoán Kim Ngọc” ở Vĩnh Phúc	163
1. Mô hình hợp tác xã và những vấn đề	163
2. Con đường đi tới quyết định “đột phá”	172
3. Phương thức khoán	179

4. Phản ứng từ thực tiễn	181
5. Những phản ứng khác nhau từ Trung ương	184
6. Tự phê bình và “sửa sai” cái đúng	189
Chương 9. Khoán ở Hải Phòng	197
1. Thách đố mới: Sau giải phóng... vẫn chưa được giải phóng	197
2. Đoàn Xá - đóm lửa từ một xã đi ăn mày	200
3. Sự “sáp nhập” về tư duy	210
4. Từ xã Đoàn Xá đến huyện Đồ Sơn	214
5. Từ Đồ Sơn lên thành phố	217
6. Sang huyện Kiến An	221
7. Lên đến Trung ương	223
8. Từ Trung ương đến cả nước	236
Chương 10. Chuyện “tày đình”, nhưng trót lọt - Giải thể các tập đoàn máy kéo ở An Giang	251
1. Sự hình thành các trạm máy kéo	251
2. Chế độ thanh toán	252
3. Thức tỉnh và đột phá	255
Chương 11. Từ chính sách Tam nông ở An Giang đến Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị	259
1. Tập thể hóa nông nghiệp ở miền Nam - chủ trương, bước đi, ách tắc	259
2. Từ chính sách Tam nông đến Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị	261
Chương 12. Khoán ở Nông trường Sông Hậu	267
1. Giao đất cho nông dân	268
2. Tạo vốn ban đầu	272
Tiểu kết phần II	275

Phần III
TỪ “MUA NHƯ CƯỚP, BÁN NHƯ CHO”
ĐẾN THUẬN MUA VỪA BÁN

Chương 13. Giá - Hơn 20 năm đấu tranh	283
1. Bắt đầu ở miền Bắc, với vấn đề giá nông sản	283
2. Tiếp diễn ở miền Nam	290
3. Thay đổi nhân sự và tổng điều chỉnh giá - thắng lợi bước đầu	298
Chương 14. Công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh dùng “xe cứu đói” vượt “đèn đỏ”	301
1. Từ tính cách một con người đến tính cách một tập thể	301
2. Tình hình lương thực thành phố những năm sau giải phóng	304
3. “Tổ buôn lậu gạo”	308
4. Từ lề đường vào chính lộ	316
Chương 15. An Giang phá giá mua lúa, làm rung chuyển hệ thống “giá chỉ đạo”	325
1. Tình hình thu mua theo cơ chế cũ	325
2. Đột phá về mua lúa	329
3. Kết quả trực tiếp: Mua lúa vượt mức kế hoạch	337
4. Những phản ứng dây chuyền của việc đột phá giá mua lúa	340
Chương 16. Long An bỏ tem phiếu, chuyển sang cơ chế một giá	343
1. Bối cảnh	343
2. Ý tưởng	346
3. Cuộc thử thách thứ nhất 1977-1978	348
4. Tìm kiếm sự đồng thuận	350
5. Những bước tiến tới cải tiến mua và bán	351
6. Tiến tới chế độ bù giá vào lương	355
7. Những kết quả hiển nhiên	356
8. Sự lan tỏa của mô hình Long An	364
Chương 17. Từ Kho bạc An Giang đến hệ thống kho bạc cả nước	369
1. Hoạt động ngân sách quốc gia	369

2. Thành lập Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang	372
3. Kho bạc Nhà nước An Giang thực hiện những ý tưởng sáng tạo. Tự ngân khố lo được tiền mặt	378
Tiểu kết phần III	385

Phần IV

TỪ ĐỘC QUYỀN NGOẠI THƯƠNG CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẾN NHỮNG “RỪNG” IMEX

Chương 18. Những đường dây buôn bán tư nhân với nước ngoài	397
1. Với Liên Xô và Đông Âu	398
2. Với Lào	410
3. Với Campuchia	413
4. Hàng Vosco	414
5. Thị trường ngầm trong nước đối với khách quốc tế	421
6. Thanh toán ngầm và ngân hàng ngầm	422
Chương 19. Các “IMEX”	429
1. “Trói”	429
2. Hai hình thức cởi trói “lén” đầu tiên sau giải phóng: “Cấp cứu” và trao đổi trực tiếp	432
3. Sự ra đời của các “IMEX”	438
4. Lách cơ chế bằng phương thức “kiều hối nguyên liệu”	443
Chương 20. Vietcombank - Người “tiếp tay”	453
1. Vietcombank và ý tưởng đột phá đầu tiên ra thị trường tài chính thế giới	453
2. Hai mươi năm sau	457
3. Vai trò đầu tàu của Vietcombank Thành phố Hồ Chí Minh	464
Tiểu kết phần IV	473

Thay kết luận**NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ TỪ NHỮNG MŨI ĐỘT PHÁ**

1. “Xả lũ” chứ không “vỡ bờ”	484
2. Sức sống của kinh tế thị trường	486
3. Bắt đầu từ cuộc sống, từ dân, từ dưới lên	487
4. Những điểm tựa lịch sử	488
5. Từ mâu thuẫn đến đồng thuận	489
6. Vừa đi vừa mở đường	491
7. Hệ quả hai mặt	492
8. Tổng quan về lộ trình	493
9. So sánh quốc tế	494
Sách và tài liệu tham khảo	497
Biên niên các sự kiện liên quan đến những đột phá về kinh tế	505
Bảng chỉ mục	527

LỜI TÁC GIẢ

Ở Việt Nam và cả nước ngoài, giới nghiên cứu thường coi năm 1986 với Đại hội Đảng lần thứ VI là thời điểm bắt đầu công cuộc Đổi mới. Trong thực tế, trước đó nhiều năm đã có hàng loạt mũi đột phá can đảm, gian nan, trầy trật, mưu trí, sáng tạo, mà theo cách gọi thời đó là những cuộc “phá rào”. Phá rào tức là vượt qua những hàng rào về quy chế đã lỗi thời để chủ động tháo gỡ nhiều ách tắc trong cuộc sống, đồng thời cũng góp phần từng bước dẹp bỏ hàng loạt rào cản cũ kỹ để mở đường cho công cuộc Đổi mới.

Mục tiêu của cuốn sách này là góp phần dựng lại một bức tranh sống động, phong phú về những tìm tòi, tháo gỡ trong thời kỳ “phá rào” đó.

Nói đến phá rào, trước hết cần trả lời câu hỏi: Hàng rào là những gì?

Đó chính là những thể chế, những nguyên tắc của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung được hình thành ở Liên Xô và sau đó được áp dụng tại hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa (XHHCN).

Ở Việt Nam, mô hình này được áp dụng đầu tiên ở miền Bắc khi bước vào thập kỷ 60. Ngay từ thời kỳ đó, nó cũng đã bộc lộ nhiều nhược điểm. Đảng, Nhà nước, nhiều nhà kinh tế và nhiều cán bộ địa phương khi thấy rõ điều đó đã có ý thức tìm tòi giải pháp để khắc phục. Các phong trào “Ba xây, ba chống”, “Cải tiến quản lý hợp tác xã”, “Cải tiến quản lý xí nghiệp”... được phát động chính là do người ta đã phát hiện ra những vướng mắc của mô hình này và thử tìm cách khắc phục. Nhiều nhà kinh tế cũng đã đề xuất một số ý kiến có tính chất đột phá như: Đa phương hóa xuất nhập khẩu, vận dụng quy luật giá trị trong việc hình thành giá thu mua. Một số địa phương, do sớm nhìn ra những nhược điểm của mô hình hợp tác xã nông nghiệp, đã chủ động áp dụng cơ chế khoán (có nơi áp dụng lén lút như ở Kiến An, Hải Phòng năm 1962; có nơi tiến hành

công khai và đại trà trên toàn tỉnh như Vĩnh Phúc những năm 1966-1968). Tất cả những mũi đột phá đó đều không đi tới đích như dự kiến. Một phần vì quan hệ quốc tế lúc đó, một phần cũng vì trình độ tư duy chung của cả xã hội đương thời chưa chín muồi cho việc đổi mới. Và lại, trong hoàn cảnh chiến tranh, nhiệm vụ đánh giặc được đưa lên hàng đầu, nên những ý tưởng cải cách vẫn còn phải chờ đợi nhiều thập kỷ nữa.

Từ sau giải phóng miền Nam, mô hình kinh tế của miền Bắc được áp dụng cho cả nước. Nhưng hoàn cảnh lúc này đã khác. Nền kinh tế của miền Nam có hàng loạt đặc điểm mà không thể đơn giản áp đặt mô hình kinh tế của miền Bắc vào. Những phản ứng từ cuộc sống không dễ dập tắt chỉ bằng mệnh lệnh, lại càng không thể chỉ bằng một nhát đập bàn của một ai đó. Trước sự sa sút hiển nhiên về kinh tế từ những năm 1978-1979, khó còn có thể tiếp tục giải thích bằng những nguyên nhân nào khác ngoài bản chất cơ chế kinh tế và sự bất lực của những phương sách cứu chữa cũ. Từ đây, bắt đầu thời kỳ rất sống động của việc tìm tòi.

Rất nhiều biện pháp phá rào đã diễn ra ở các đơn vị, các địa phương, rất đa dạng và phong phú về phương pháp, về bước đi, về kết quả và nhất là về những phản ứng dây chuyền dẫn tới những sửa đổi của chính sách.

Dưới đây, xin lựa chọn 20 cuộc phá rào mà tác giả thấy có thể coi là tiêu biểu cho một ngành nghề, một lĩnh vực, một “nghệ thuật”...

Tất nhiên, khi đã phải phá rào tức là hàng rào có vấn đề. Nhưng mặt khác, đã phải dùng đến giải pháp phá rào thì ngoài những kết quả tích cực, cũng khó tránh khỏi một hệ quả tiêu cực là làm suy giảm hiệu lực của kỷ cương, làm tăng tính tự phát và tạo ra thói quen tùy tiện. Có những tìm tòi lúc ban đầu là đúng hướng, nhưng sau đó, khi cơ chế chính sách đã được sửa đổi, mà cứ đi tiếp theo hướng tự phát thì rất có thể lại mắc phải những sai lầm, tiêu cực, thậm chí sa vào vòng lao lý. Đó cũng là điều khó tránh trong sự nghiệp chuyển đổi của cả một nền kinh tế từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, với biết bao thách thức khó khăn, phức tạp, chạm báy. Trong cuốn sách này, mục đích chính của tác giả chỉ là tôn vinh tinh thần tìm tòi, sáng tạo của những cơ sở, của những con người đã tìm được hướng đi đúng, không những cho cơ sở của mình, mà còn tìm ra hướng đi chung cho cả nền kinh tế.

Tác giả đã quan tâm đến chủ đề này từ khoảng 15 năm qua. Đó cũng là thời gian của suy nghĩ, tìm kiếm tư liệu và tiến hành khảo sát tại hàng

chục tỉnh và thành phố, sục sạo rất nhiều cơ sở, phỏng vấn hàng trăm người khắp từ Bắc chí Nam, và cả người Việt ở nước ngoài trong các chuyến đi khảo sát ở Nga và Đông Âu để hiểu tường tận hơn những luồng hàng đánh đi và đánh về; lại tận dụng những chuyến đi họp và giảng dạy ở Mỹ, Pháp, Úc, Anh để khám phá những cách thức gửi tiền và hàng về nước, đặc biệt là hệ thống ngân hàng ngầm.

Sau đó, đầu năm 2004, công trình này đã được chấp nhận là Đề tài cấp Bộ của Viện Kinh tế Việt Nam mà tác giả là chủ nhiệm. Công trình được biên soạn xong vào năm 2005 với sự cộng tác của một số bạn đồng nghiệp trẻ mà tác giả có trách nhiệm hướng dẫn nghiên cứu. Đề tài đã được nghiệm thu chính thức tại Tp. Hồ Chí Minh với một hội đồng thật đích đáng: Chủ tịch Hội đồng là GS. TS. Đỗ Hoài Nam (mà sau đó là đồng chủ biên cuốn sách), thành viên Hội đồng kỳ này có nét rất đặc trưng là bao gồm hầu hết chính những vị “anh hùng” của thời “phá rào” và được nhắc tới rất nhiều lần trong sách như Tư Giao ở Long An, Sáu Hơn ở An Giang, Nhật Hồng ở Vietcombank, Phan Chánh Dương ở “Nhóm thứ 6”, Trần Đình Bút ở Trường Hành chính...

Nhưng suốt bốn năm sau đó, bản thảo vẫn nằm trong máy tính, không phải do bị ai bắt “ngâm” lại, mà chỉ do bản thân tác giả muốn “ngâm” thêm cho chín hơn, tham khảo lại nhiều người trong và ngoài cuộc cho chắc hơn, nhất là đối với một số trường hợp có những khía cạnh còn tồn tại nhiều ý kiến khác nhau. Đặc biệt, tác giả lại vinh dự được GS. TS. Đỗ Hoài Nam, Chủ tịch Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, vui lòng nhận lời mời làm đồng chủ biên để chỉ bảo thêm về cách xử lý trên những khía cạnh mà cho đến lúc đó còn ít nhiều nhạy cảm. Được như thế thì lại càng phải thận trọng hơn, vì tác giả tự thấy mình không được phép để người đồng nghiệp và cũng là cấp trên khả kính của mình phải chịu bất kỳ một ảnh hưởng nào do những sơ suất dù nhỏ nhất của người viết. Để thử phản ứng của dư luận, chúng tôi đã chọn hai trường hợp phá rào đã được chính thức ghi nhận mặt tích cực để xuất bản dưới hình thức những tập sách tham khảo mỏng¹. Sau đó, tác giả đã tự lược đi

1. Tác giả đã cùng GS. TS. Đỗ Hoài Nam chọn lựa chủ đề An Giang và Long An để xuất bản (*Long An - mũi đột phá vào kinh tế thị trường*, Nxb Khoa học Xã hội, 2006, 208 trang và *Những bước đột phá của An Giang trên con đường đổi mới kinh tế*, Nxb Khoa học Xã hội, 2006, 335 trang).

tất cả những biếm họa, hò vè hài hước của dân gian và một loạt chương mục như: Khoán Vĩnh Phúc (vì nó liên quan đến uy tín của một nhà lãnh đạo lớn mà bản thân tác giả rất kính trọng), nông trường Sông Hậu (tuy là trường hợp độc nhất trong ngành này đã phá rào thành công nhưng sau đó lại lâm vào vòng lao lý), thuốc lá Vĩnh Hội tăng sản lượng vùn vụt thì có thể lại đi ngược với xu thế của thế giới... Đến đầu năm 2009, bản thảo mới được gửi tới Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Sách đã in xong đầu tháng 7, gồm 276 trang khổ nhỏ, với tên *Những mũi đột phá trong kinh tế thời trước Đổi mới*.

Cứ tưởng là chuyện đã cũ rồi, và cũng không phải là chủ đề đại sự, thì chẳng mấy ai còn quan tâm. Nhưng chỉ trong vòng một tháng sau, sách đã tiêu thụ hết. Nhiều bạn đọc thấy có tên sách trên mạng, nhưng tìm mua không được. Khó xử nhất là những vị mà tác giả tri ân, từng tận tình giúp tác giả trong những đợt đi thực tế ở Vĩnh Phúc, Cần Thơ, Vĩnh Hội, Nhà máy Dệt Nam Định, Công ty Xe khách Miền Đông... đã gọi điện tới tỏ nỗi thất vọng vì không thấy chuyện của họ được đưa vào trong sách!

Đòi hỏi rộng rãi đó đã sớm đến tai TS. Chu Hảo, Giám đốc Nhà xuất bản Tri thức. Ông tìm gặp tác giả và ngỏ ý muốn xem bản thảo đầy đủ. Vài hôm sau, ông ngỏ ý sẵn sàng chịu trách nhiệm trước các cơ quan hữu quan về việc xuất bản, với điều kiện tác giả phải trực tiếp đứng tên và chịu trách nhiệm trước Nhà xuất bản Tri thức về độ chính xác của các tư liệu. Điều đó thì đương nhiên tác giả sẵn sàng cam kết, vì một lẽ đơn giản: Đó đều là sự thật, mà tác giả đã gặp, đã nghe, đã đọc. Thế là bản thảo đầy đủ đã được trao cho Nhà xuất bản Tri thức và được tái bản trong khuôn khổ chương trình sách *Việt Nam đương đại* với cái tên nguyên thủy của nó: *“Phá rào” trong kinh tế vào đêm trước Đổi mới*.

Trong lần tái bản này, tác giả lấy lại để đưa vào khá nhiều cuộc phá rào ngoạn mục và tiêu biểu như:

- Khoán ở Vĩnh Phúc.
- Khoán ở Nông trường Sông Hậu
- Đột phá ở Nhà máy Dệt Nam Định.
- Đột phá ở Nhà máy Thuốc lá Vĩnh Hội.
- Khoán ở Công ty Xe khách Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cuộc đấu tranh kiên trì gian khổ 20 năm để sửa đổi hệ thống giá.
- Những đường dây buôn bán và thanh toán với nước ngoài...

Ngoài phần lớn những chương mục do tác giả trực tiếp khảo sát và biên soạn, tác giả cũng lựa chọn để đưa lại vào đây ba chương mà tác giả đã tiến hành cùng các đồng nghiệp trẻ, như chương Xí nghiệp Dệt Thành Công (viết cùng bạn Cao Tuấn Phong), Cơ chế một giá của Long An (viết cùng bạn Ngọc Thanh), Kho bạc (viết cùng bạn Lê Mai).

Trong việc tìm hiểu những cuộc phá rào dưới đây, tác giả đã cố gắng tìm cách tiếp cận tận nơi, tận chốn, gặp những người thật, nắm bắt những việc thật. Rất may là phần rất lớn những người chủ trương và những người tham gia các cuộc phá rào vẫn còn sống, còn khỏe mạnh, còn tinh táo để nhìn lại cả một chặng đường gian nan nhưng ngoạn mục mà họ đã đi qua. Dĩ nhiên, có những “chiến sĩ đột phá” không còn nữa, như ông Kim Ngọc ở Vĩnh Phúc, ông Năm Hoàng ở Hậu Giang. Ở trường hợp này, tác giả phải tìm lại những tài liệu, những người đương thời và gia đình để hiểu rõ sự việc.

Tác giả xin chân thành cảm ơn các vị đã từng đứng mũi chịu sào trong những cuộc phá rào đó, nay lại sẵn sàng kể lại cho nghe, cung cấp thêm những tư liệu, giúp đỡ về nhiều mặt để tác giả có thể khắc họa lại bức tranh sinh động của một thời tuy chưa phải xa lắm, nhưng có thể là khó hiểu đối với thế hệ trẻ hiện nay và mai sau. Các vị đó là Võ Văn Kiệt (nguyên Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Thủ tướng Chính phủ), Giáo sư Trần Phương (nguyên Trợ lý của Tổng Bí thư Lê Duẩn, nguyên Phó Thủ tướng), Đoàn Duy Thành (nguyên Bí thư Thành ủy Hải Phòng, nguyên Phó Thủ tướng), Nguyễn Văn Chính (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Long An, nguyên Phó Thủ tướng), Nguyễn Văn Hớn (nguyên Bí thư Tỉnh ủy An Giang, nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp), Bùi Văn Giao (nguyên Phó Chủ tịch tỉnh Long An, nguyên Trợ lý của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh), Lữ Minh Châu (nguyên Giám đốc Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước), Nguyễn Văn Phi (nguyên Thứ trưởng Bộ Ngoại thương, nguyên Giám đốc Sở Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Hồng Cẩn (nguyên Thứ trưởng Bộ Thủy sản), Nguyễn Nhật Hồng (nguyên Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh)

và rất nhiều vị lãnh đạo các ngành, các cơ sở kinh tế mà không thể kể hết ra đây.

Tác giả cũng xin chân thành cảm ơn những đồng nghiệp là những nhà nghiên cứu kinh tế và nghiên cứu lịch sử không những đã bày tỏ sự đồng tình và khích lệ, mà còn có nhiều đóng góp trực tiếp về nội dung và phương pháp tiếp cận chủ đề này. Đó là GS. TS. Đỗ Hoài Nam, GS. Trần Đình Bút, GS. Đào Xuân Sâm, TS. Lê Đăng Doanh, nhà kinh tế Vũ Quốc Tuấn, TS. Trần Đình Thiên, nhà sử học Dương Trung Quốc cùng rất nhiều bạn bè thân thiết trong các ngành khoa học xã hội trong và ngoài nước.

ĐẶNG PHONG

Phần mở đầu

**TỪ GIẢI PHÓNG ĐẤT NƯỚC
ĐẾN “CỜI TRÓI” CHO SẢN XUẤT**



I. TỪ ĐẠI THẮNG ĐẾN ĐẠI HỘI

1. Mô hình kinh tế từ miền Bắc

Trong nhiều thập kỷ qua, vẫn có sự ngộ nhận rằng mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa của Liên Xô là mô hình của Marx và Lenin. Thật ra, cả Marx và Lenin chưa đưa ra một bản thiết kế cụ thể nào, càng không có những áp đặt cứng nhắc như vậy. Marx và Lenin có nêu lên một số ý tưởng về chủ nghĩa xã hội, nhưng bao giờ cũng lưu ý đến những điều kiện lịch sử để thực hiện ý tưởng đó, và luôn luôn nhìn sự vật trong một không gian đa chiều.

Ngày nay ngẫm lại, có thể nói rằng, mô hình cụ thể về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và những sách giáo khoa về mọi lĩnh vực của mô hình đó đều được hình thành sau Marx và Lenin. Nó được áp dụng trực tiếp ở Liên Xô từ thập kỷ 30, rồi đến cuối thập kỷ 50 của thế kỷ XX thì được áp dụng cho toàn phe XHCN.

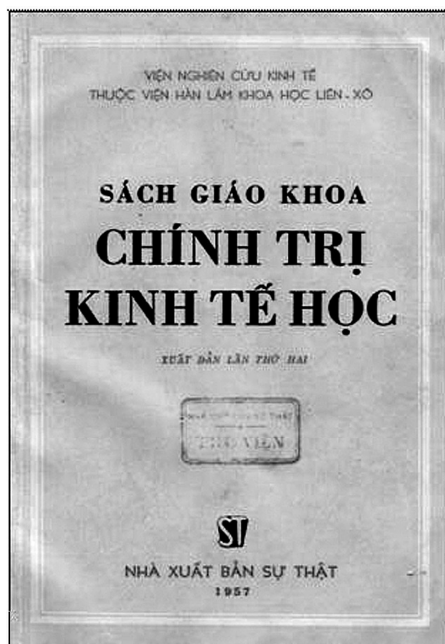
Hai Hội nghị các Đảng Cộng sản và Công nhân Quốc tế tại Matxcova năm 1957 và 1960 đều nêu lên tám nguyên tắc chính của mô hình này, trong đó có hai nguyên tắc quan trọng nhất là:

- Chế độ công hữu XHCN dưới hai hình thức toàn dân và tập thể.
- Toàn bộ nền kinh tế hoạt động theo một kế hoạch tập trung thống nhất. Nguyên tắc này cũng có nghĩa là không thể tồn tại thị trường tự do và không có giá cả thị trường tự do.

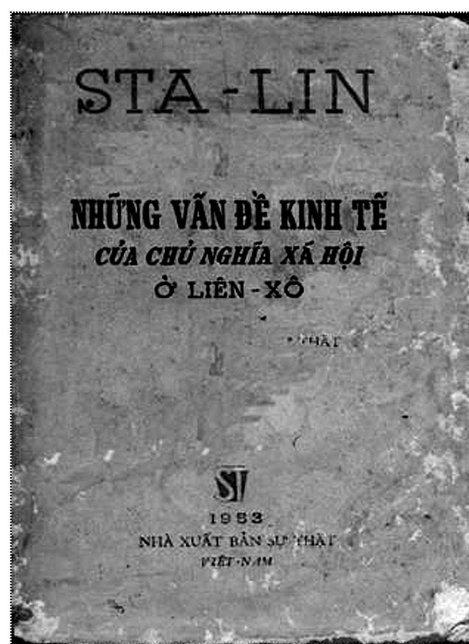
Miền Bắc Việt Nam đã chuẩn bị tiền đề đi vào mô hình này từ những năm cuối của thập kỷ 50, với hai cuộc cải tạo lớn: Cải tạo nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp trong ba năm 1958-1960.

Từ thập kỷ 60, với Đại hội Đảng lần thứ III và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), miền Bắc bắt đầu trực tiếp áp dụng mô hình kinh tế XHCN. Những nguyên tắc tổ chức và quản lý nền kinh tế của mô hình đó đã dần dần hình thành. Các sách giáo khoa về quản lý công nghiệp, nông nghiệp, nội và ngoại thương, tài chính, tiền tệ, giá cả của Liên Xô đã được dịch và đưa vào giảng dạy tại các trường Đảng và các

trường đại học. Cũng từ các trường này, đã hình thành đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế trong tất cả các ngành, các cấp của nền kinh tế quốc dân.



Sách giáo khoa Kinh tế Chính trị học



Những vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô

Phải nói rằng, trong không khí của thời đại lúc bấy giờ, xét cả về mặt quốc tế cũng như trong nước, mô hình kinh tế XHCN ở miền Bắc không phải là quyết định đơn phương của riêng ai, của một nhóm nào, mà là sự lựa chọn chung của xã hội. Trong đó có cả ba yếu tố xã hội quan trọng nhất: Đảng và Nhà nước, giới nghiên cứu và quần chúng nhân dân.

Nhưng từ cả ba yếu tố này vẫn luôn luôn có những trở trở, muốn tìm tòi những hình thức thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Đã từng có những ý kiến mới, những thử thách, những đề xuất và cả những bất đồng, dẫn đo, tranh luận. Cũng có cả những tiếng “huýt còi” và những người bị “huýt còi”. Bây giờ nghĩ lại, thấy cả những người “huýt còi” và người “bị huýt còi” thời đó đều có một động cơ chung: Lo toan cho vận mệnh của đất nước, muốn tìm một giải pháp tối ưu cho sự phát triển kinh tế. Chẳng qua là từ những cách nhìn khác nhau, với những kinh nghiệm khác nhau, dựa trên những giả định khác nhau, thì sự lựa chọn có khác nhau.